

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2018
*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hà và ông Quách Xuân Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lại Thị Mai H1 - sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tiểu khu TL, thị trấn KK, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn N1 - sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tiểu khu TL, thị trấn KK, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2018, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lại Thị Mai H1 trình bày:

Chị và anh Phạm Văn N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn KK, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày

20/9/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh N1 chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Khi được chị và gia đình tham gia góp ý thì anh N1 chửi bới, đánh đập chị dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã nhiều lần được anh em họ hàng, gia đình giải quyết, chính quyền địa phương hòa giải nhưng anh N1 không thay đổi mà còn tiếp tục hành hung, công khai quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, gây áp lực tinh thần, đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai và không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh N1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Văn B1 - sinh ngày 05/8/1997 và cháu Phạm Thúy H2 - sinh ngày 13/01/2007, hiện cháu B1 đã trưởng thành trên 18 tuổi, đang sinh sống lao động tự lập tại địa phương. Nếu được giải quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thúy H2, yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Phạm Văn N1: Việc chị Hương làm đơn xin ly hôn, anh N1 có biết, được thể hiện trong buổi hòa giải ngày 06/7/2017 có mặt chị H1 và anh N1 tại trụ sở UBND thị trấn KK. Tại buổi hòa giải anh N1 trình bày không muốn vợ chồng ly hôn và cho rằng việc chị H1 nói anh có quan hệ bất chính là không đúng và mong muốn được đoàn tụ, nếu chị H1 vẫn ly hôn thì anh chấp thuận (BL15 + 16). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã gửi các văn bản tố tụng, nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh N1 đến Tòa án để tham gia tố tụng như viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N1 đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù các văn bản tố tụng này đều được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Tòa án đã làm việc với cháu Phạm Văn B1 (con trai lớn của chị H1 - anh N1) có sự chứng kiến của Trưởng tiểu khu TL và xác nhận của chính quyền địa phương, cháu B1 cho biết anh N1 có biết việc chị H1 khởi kiện ly hôn đối với anh, các văn bản tố tụng Tòa án gửi, tổng đạt khi cháu nhận đều đã giao lại cho bố, anh N1 có nói việc ly hôn là của chị H1 anh không quan tâm và cũng không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được quan điểm của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên toà, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày như quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt trong tất cả các hoạt động tố tụng của Tòa án nhưng đã được Tòa án gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lại Thị Mai H1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Phạm Văn N1 hiện đang cư trú tại tiểu khu TL, thị trấn KK, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lại Thị Mai H1 và anh Phạm Văn N1 là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, anh N1 chơi bời, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng đánh, cãi chửi nhau. Quá trình hòa giải tại UBND thị trấn KK, anh N1 không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị H1 vẫn cương quyết ly hôn thì anh chấp thuận, điều đó thể hiện sự rạn nứt về tình cảm và mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy, khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H1 và anh N1 có 02 con chung là cháu Phạm Văn B1 - sinh ngày 05/8/1997 và cháu Phạm Thúy H2 - sinh ngày 13/01/2007, hiện cháu Phạm Văn B1 đã trưởng thành trên 18 tuổi, lao động tự lập được, nên khi ly hôn chị H1 và anh N1 tự có trách nhiệm quản lý, giáo dục cháu B1.

Đối với cháu Phạm Thúy H2, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H1 đều có nguyện vọng được nuôi con chung, chứng minh công việc thu nhập ổn định của mình; anh N1 không tham gia tố tụng nên tòa án không ghi nhận được quan điểm về việc giải quyết vụ án, cháu H2 cũng có ý kiến xin được ở với mẹ. Sau khi xem xét ý kiến của nguyên đơn, người có quyền, lợi ích hợp pháp được bảo vệ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng nuôi con của chị H1 là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Hương yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/tháng, xét thấy đây là yêu cầu đúng pháp luật, mức yêu cầu cấp dưỡng như vậy là đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt của cháu H2, đồng thời phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lại Thị Mai H1 và anh Phạm Văn N1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thúy H2 - sinh ngày 13/01/2007 cho chị Lại Thị Mai H1 nuôi dưỡng đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn N1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Lại Thị Mai H1 mỗi tháng là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 08 năm 2018 cho đến khi cháu H2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Lại Thị Mai H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị H1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04316 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn N1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lại Thị Mai H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND thị trấn Kiện Khê;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy